



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic

Ngày 31/03/2025	127,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	15.2%	13.0%	61.9%

DT thuần Q1/25
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.0 -8.3%
YoY: ▲ 25.0 24.4%

LN thuần Q1/25
27.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00 12.2%
YoY: ▲ 9.50 52.3%

LN sau thuế Q1/25
22.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.90 14.6%
YoY: ▲ 8.00 54.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
22.6%
YoY: +/-▲ 4.5%

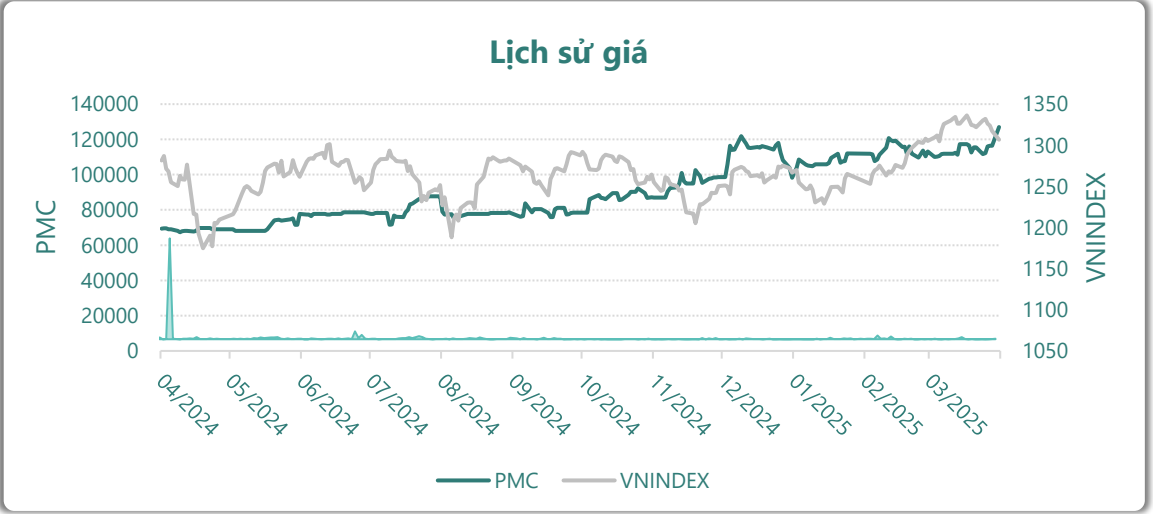
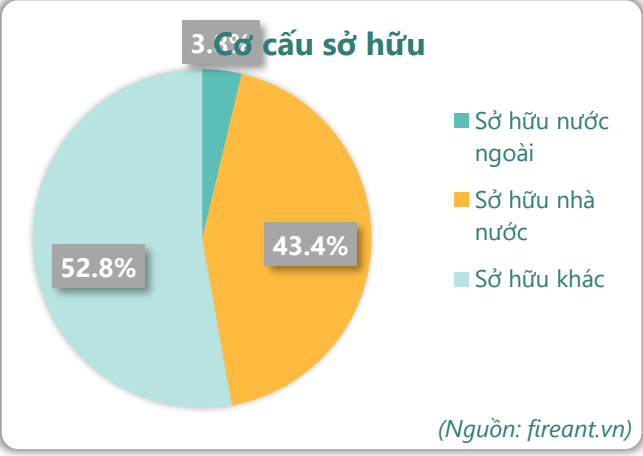
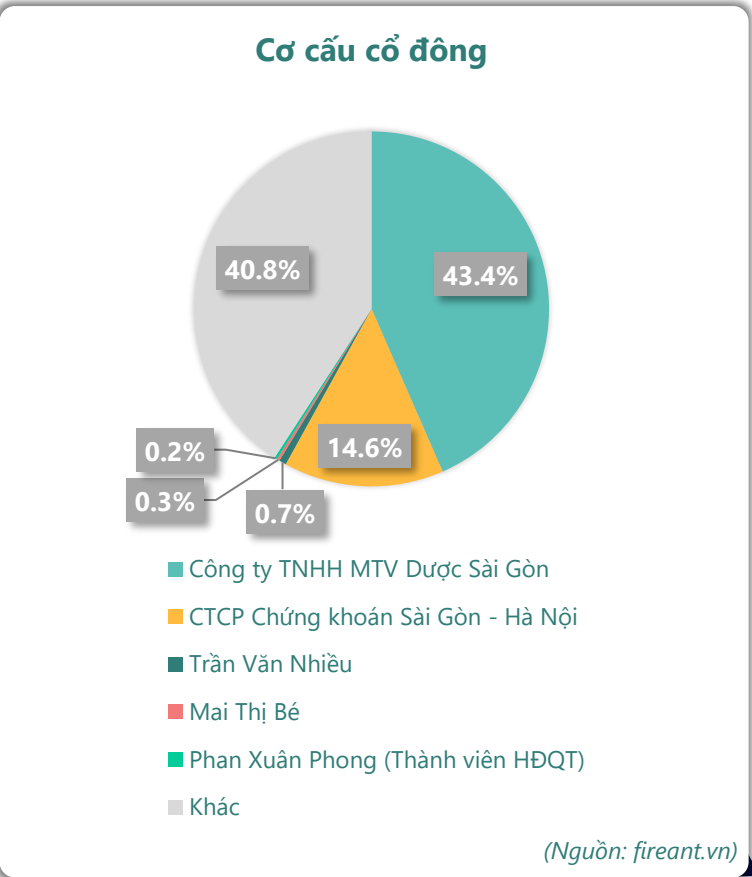
ROE (TTM) Q1/25
29.7%
YoY: +/-▲ 4.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	67,332 - 127,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,185
Số lượng CPLH (CP)	9,332,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,290
Sở hữu nước ngoài	3.8%
Beta	
EPS	9,443
P/E	13.4

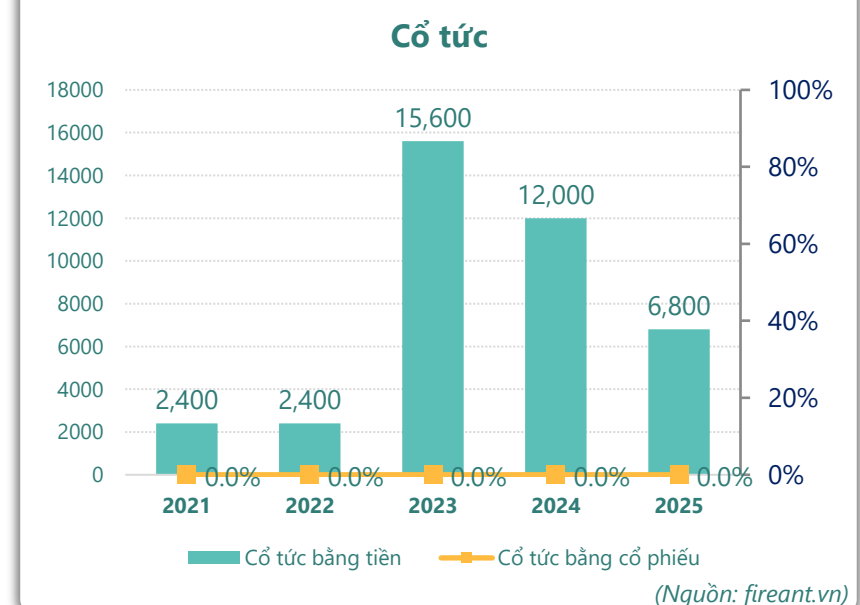
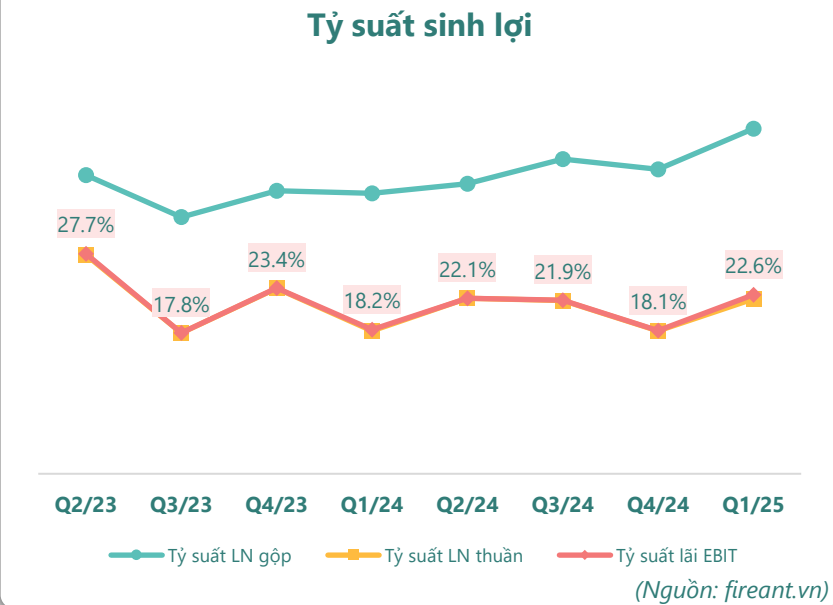
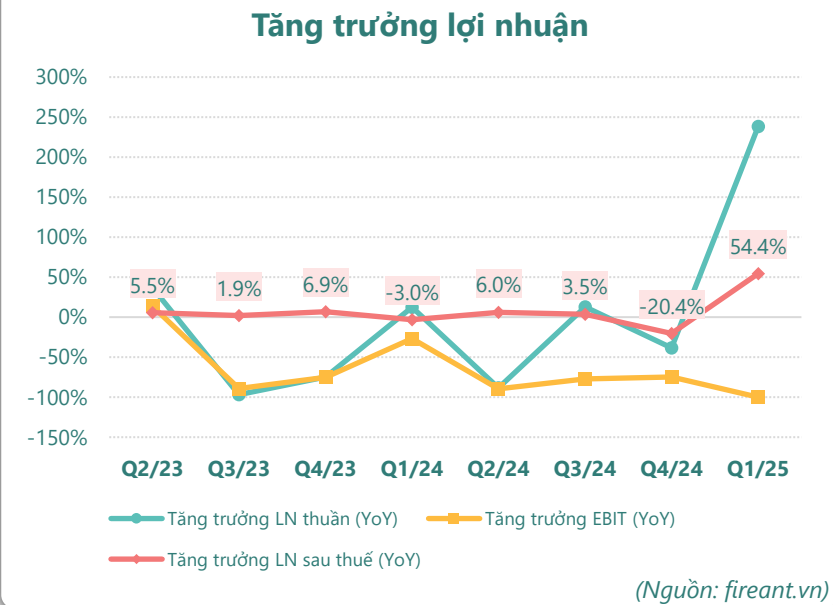
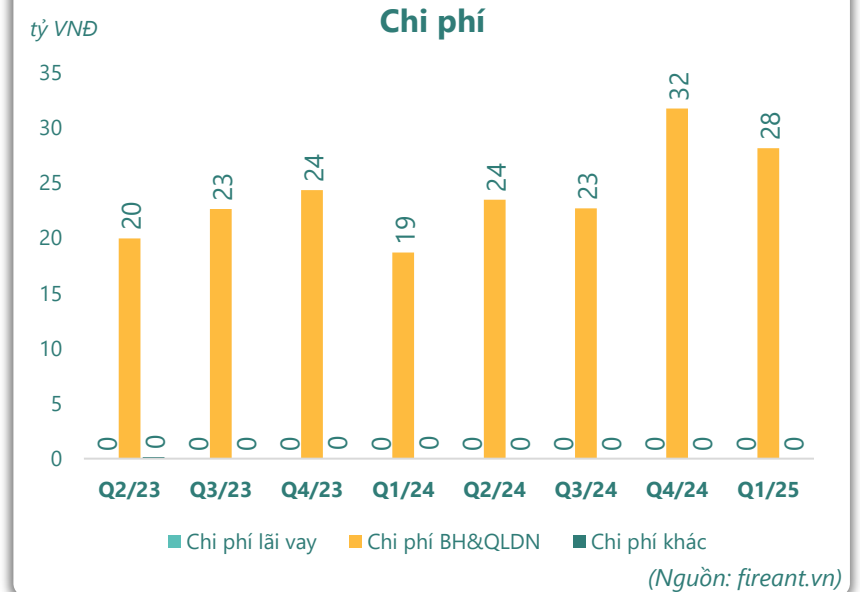
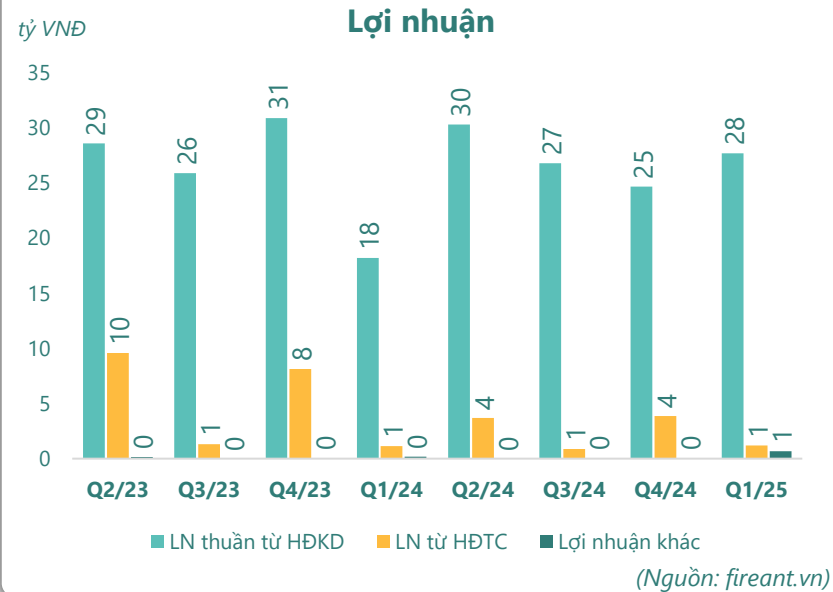
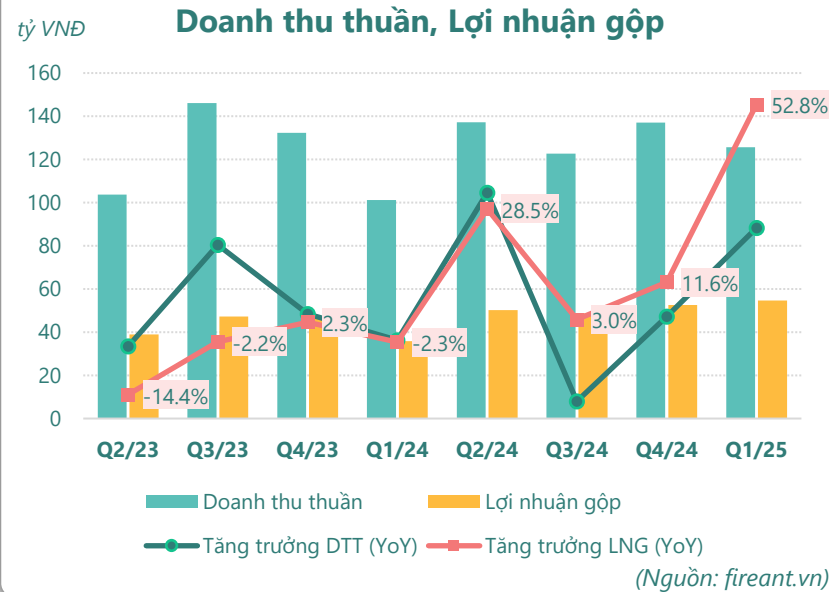
DT thuần 2024
498
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.0 2.7%

LN thuần 2024
100
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00 -4.0%

LN sau thuế 2024
80.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.50 -4.1%



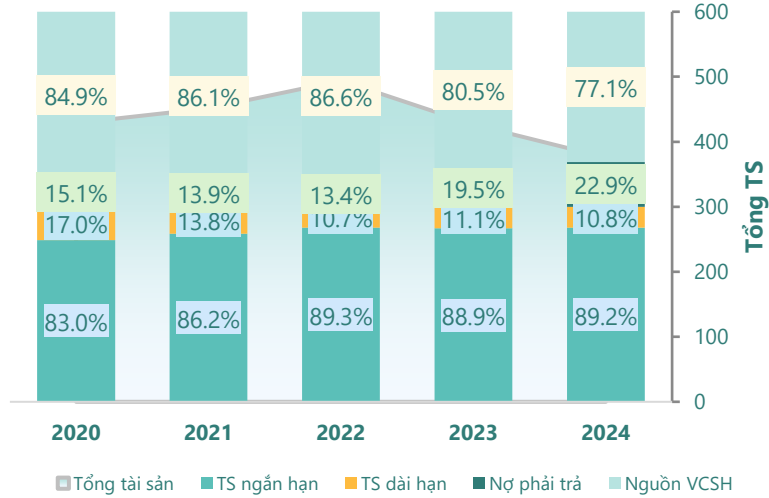
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

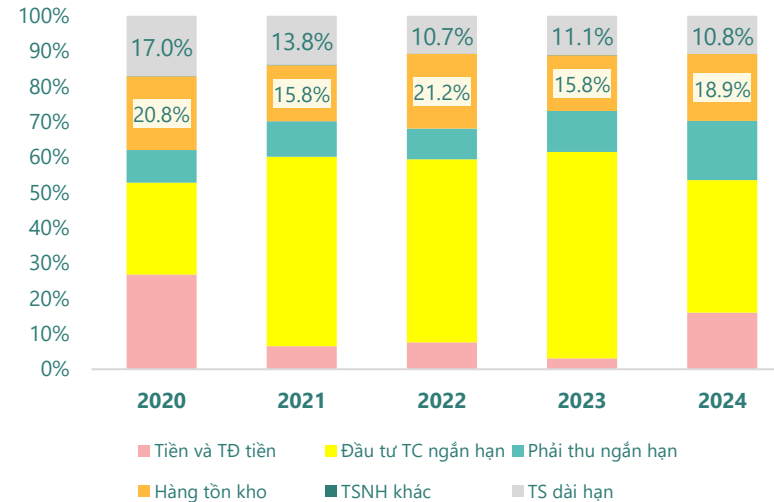
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

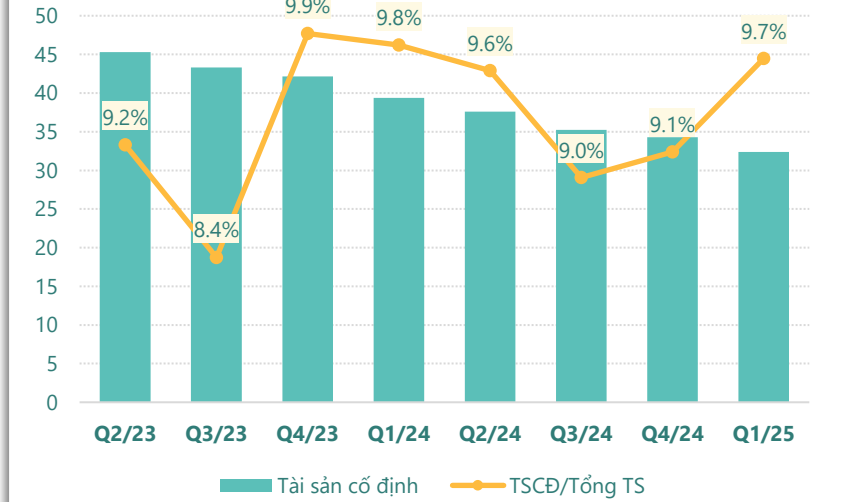
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

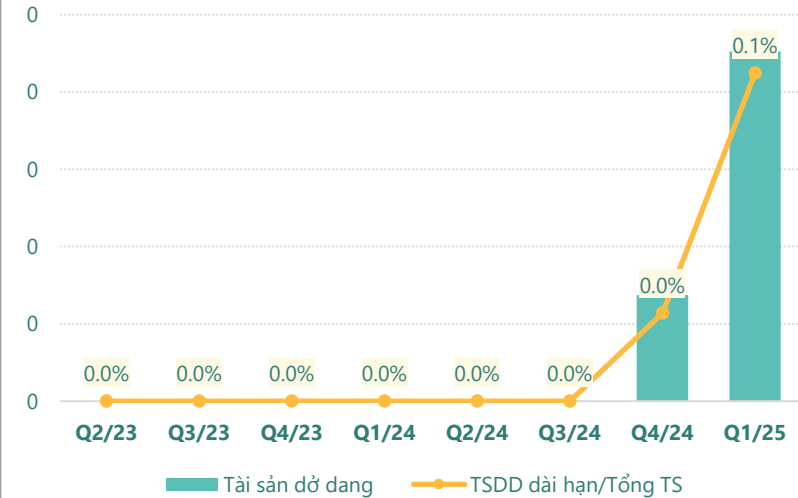
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

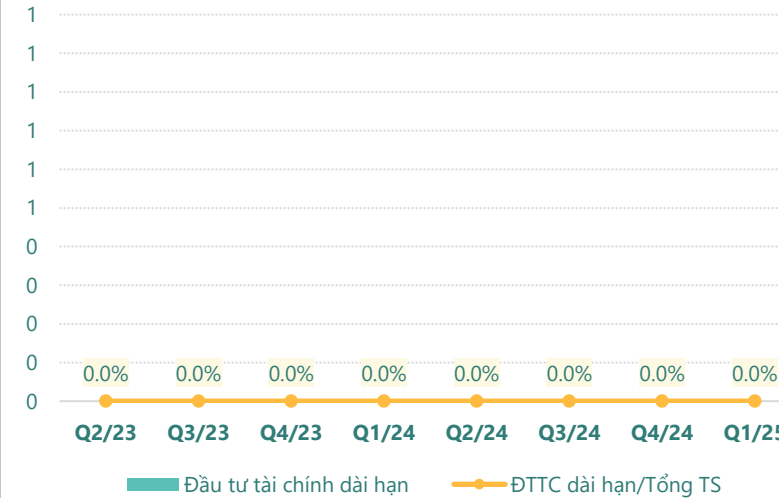
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

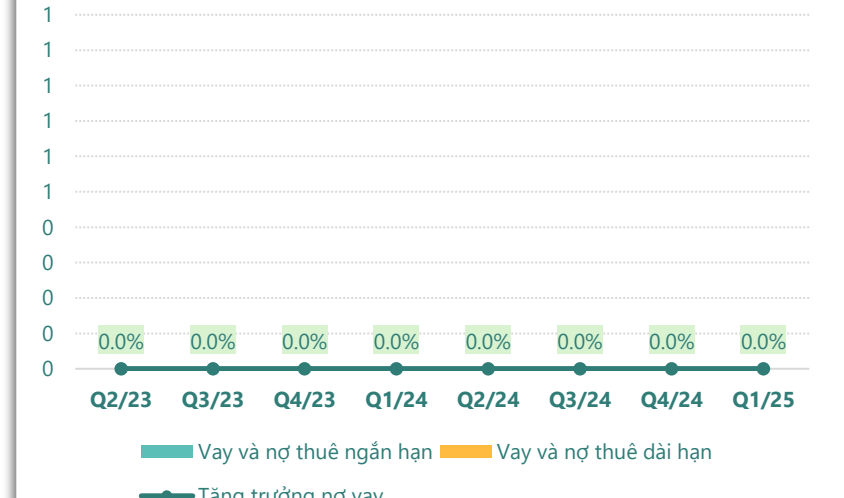
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

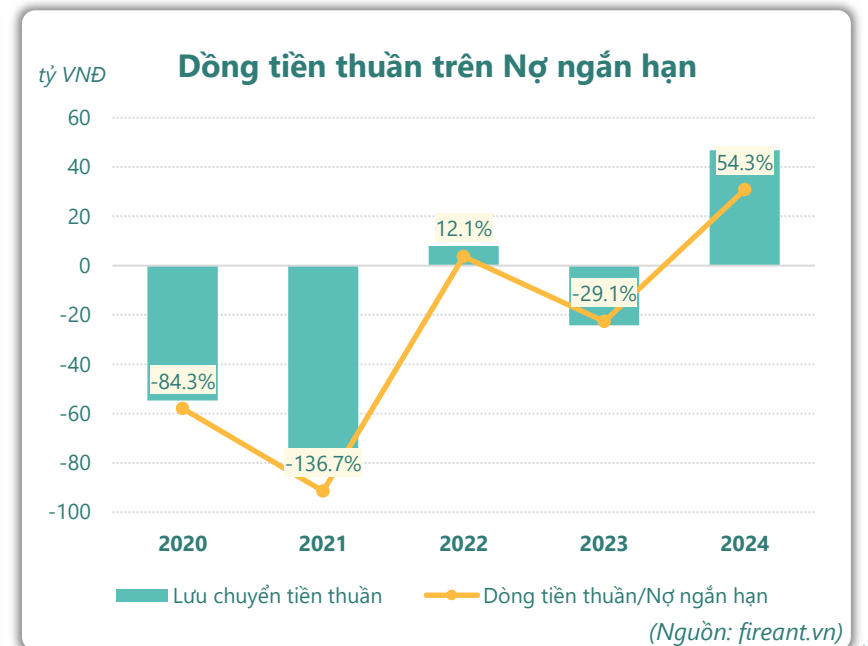
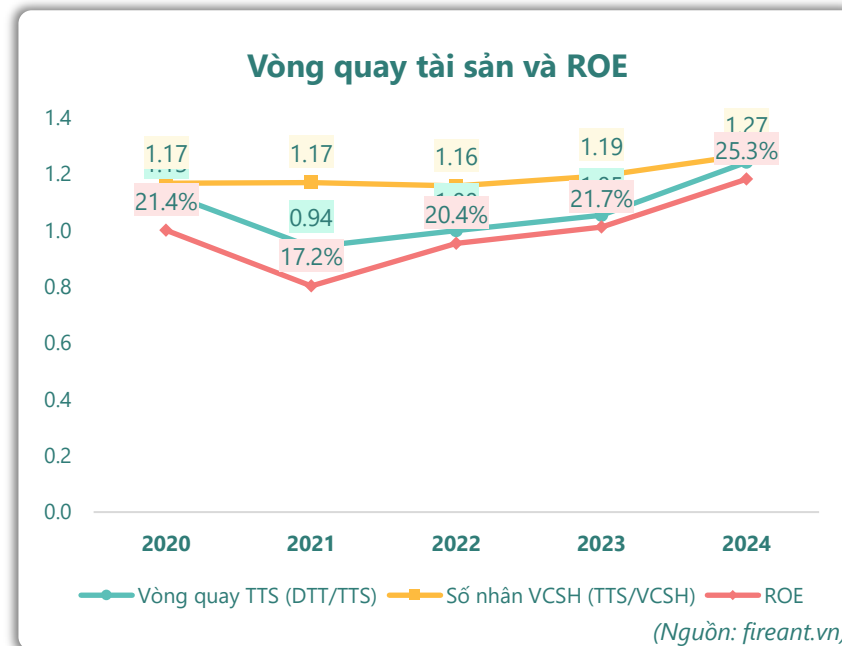
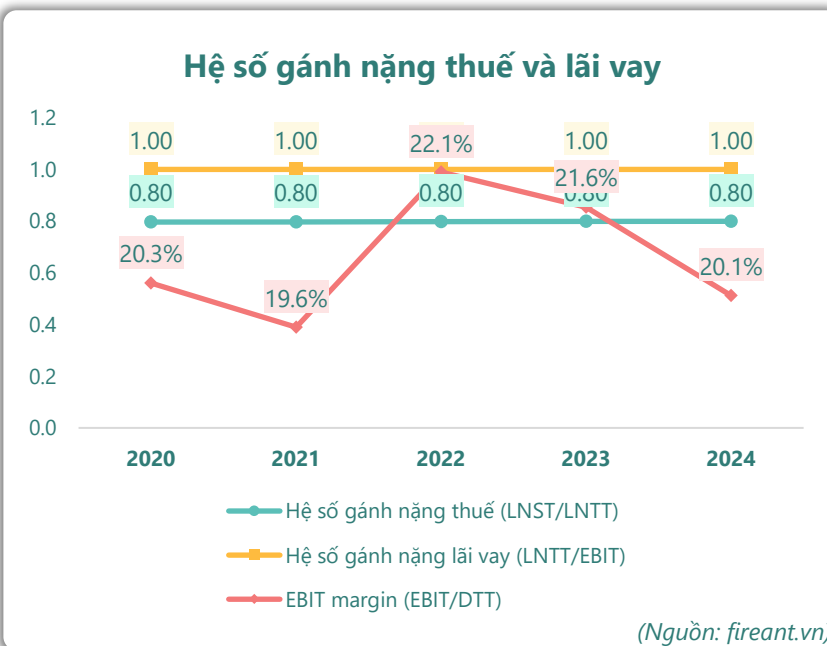
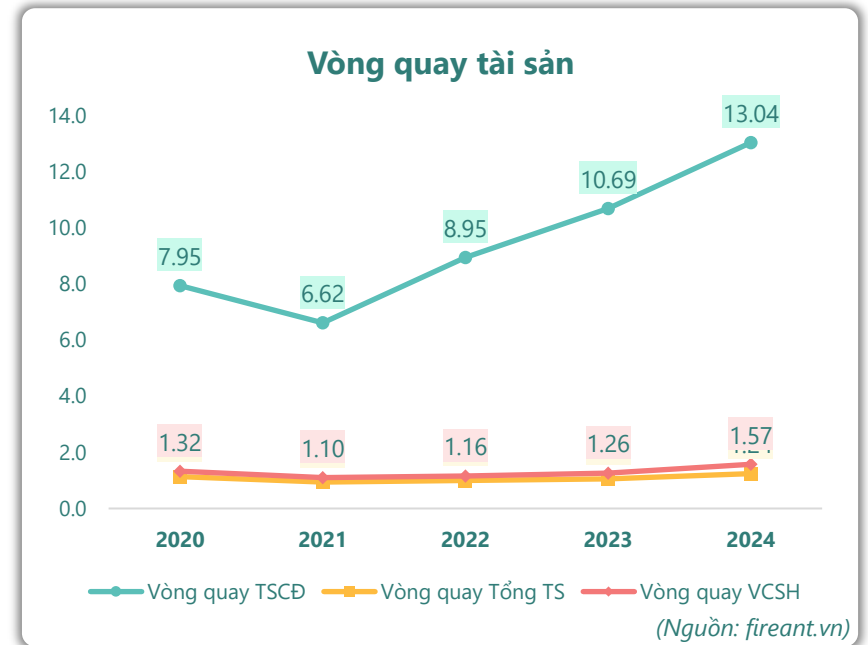
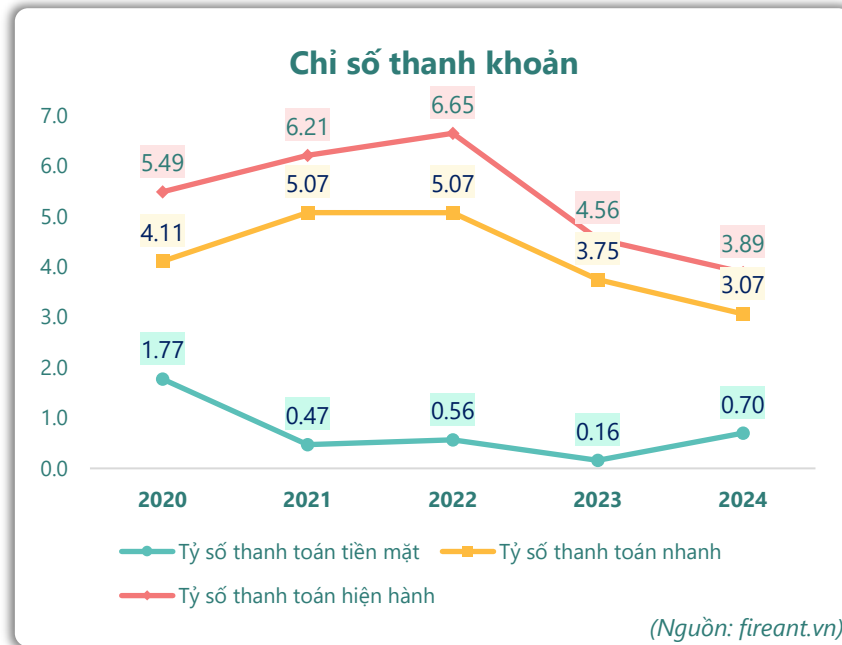
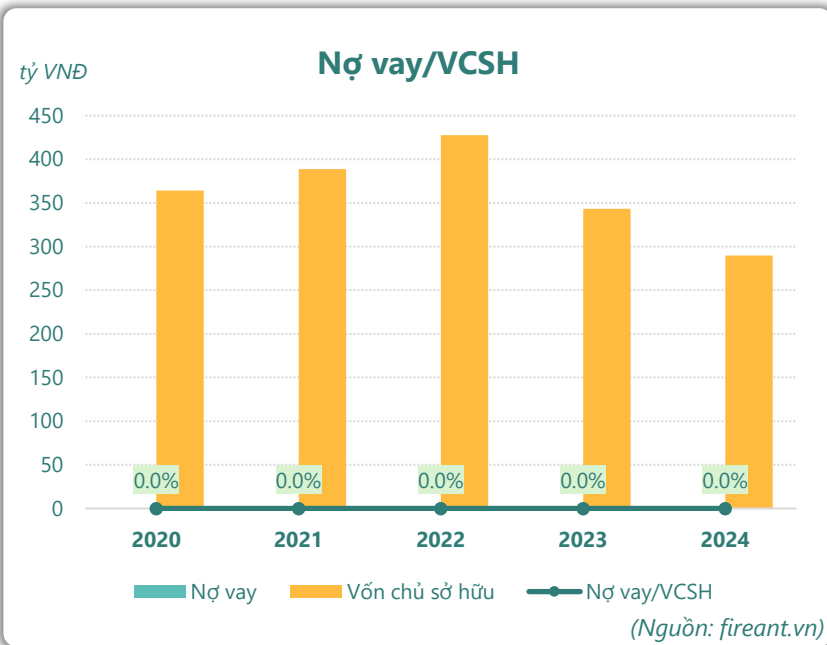
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	126	101	24.4%	498	485	2.7%
Giá vốn hàng bán	71.0	65.4	8.6%	311	315	-1.3%
Lợi nhuận gộp	54.7	35.8	52.7%	187	170	10.1%
Doanh thu HĐTC	1.20	1.14	5.6%	9.56	19.9	-51.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	14.8	9.89	49.6%	47.1	45.1	4.6%
Chi phí QLDN	13.4	8.83	51.5%	49.6	40.6	22.3%
LN thuần từ HĐKD	27.7	18.2	52.3%	100	104	-4.0%
Lợi nhuận khác	0.66	0.17	291%	0.27	0.34	-20.9%
LN trước thuế	28.4	18.4	54.2%	100	105	-4.1%
Lợi nhuận sau thuế	22.7	14.7	54.4%	80.1	83.6	-4.1%
LNST của CĐ cty mẹ	22.7	14.7	54.4%	80.1	83.6	-4.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.4	-12.1	10.8	30.0	25.3	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	68.8	12.4	33.8	-16.1	73.3	30.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-117	-8.28	-43.5	-9.85	-48.9	-49.4
Tiền đầu kỳ	13.9	13.3	5.26	6.38	10.4	60.1
Lưu chuyển tiền thuần	-0.66	-7.99	1.12	4.03	49.7	-30.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	13.3	5.26	6.38	10.4	60.1	29.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	333	376	-11.4%
Tài sản ngắn hạn	292	335	-13.0%
Tiền và tương đương tiền	29.8	60.1	-50.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	141	-20.6%
Phải thu ngắn hạn	54.3	62.8	-13.5%
Hàng tồn kho	95.1	71.1	33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.64	0.44	45.8%
Tài sản dài hạn	41.0	40.4	1.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	32.4	34.3	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.07	229%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.44	6.06	39.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	78.7	86.2	-8.7%
Nợ ngắn hạn	78.7	86.2	-8.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	28.2	16.3	73.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	290	-12.2%
Vốn chủ sở hữu	254	290	-12.2%
Vốn điều lệ	93.3	93.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

